

-(으)ㄴ/는 고로

cho nên, vì lẽ đó

Một từ nối chỉ nguyên nhân mang tính cổ. 고 là chữ Hán 故 (cố), nghĩa là “lý do” — và cụm từ đọc lên đúng như vậy, giống một câu trong lập luận cổ điển.

Cách kết hợp

Loại từ	Dạng	Ví dụ
Tính từ	-(으)ㄴ 고로	그러하다 → 그러한 고로
Động từ	-는 고로	있다 → 있는 고로
Kết thúc bằng ㄹ	lược ㄹ	만들다 → 만드는 고로
Như trạng từ	고로	고로 이와 같이 결론짓는다
Viết cách	고로 được viết cách	그러한 고로
Tương đương hiện đại	-(으)므로	그러므로

Khi nào dùng

Dạng dùng theo hệ thống định ngữ: động từ dùng -는 고로, tính từ dùng -(으)ㄴ 고로. Gốc kết thúc bằng ㄹ bị lược ㄹ, và 고로 là cụm danh từ được viết cách.

Nó nêu lý do, y như -(으)므로: 사정이 그러한 고로 부득이 연기하였다.

Đứng một mình, 고로 hoạt động như trạng từ nghĩa là “cho nên”, đứng đầu câu giống 그러므로.

Văn phong cổ và mang tính lập luận — văn xuôi cổ điển, văn bản pháp lý cũ, hoặc một hiệu ứng phong cách có chủ ý. Tiếng Hàn hiện đại dùng므로 hoặc 때문에.

Ví dụ trong câu

- 1

사정이 그러한 고로 부득이 일정을 연기하였다.

Sự tình đã như vậy, cho nên lịch trình buộc phải hoãn lại.
- 2

근거가 충분하지 않은 고로 판단을 미룬다.

Vì căn cứ không đủ, nên việc phán quyết được hoãn lại.
- 3

모두가 아는 고로 새삼 설명할 필요가 없다.

Vì ai cũng biết, nên không cần giải thích lại.
- 4

증거가 명백한 고로 달리 판단할 여지가 없다.

Vì chứng cứ rõ ràng, nên không có chỗ để phán đoán khác.
- 5

손수 만드는 고로 값이 비쌀 수밖에 없다.

Vì được làm bằng tay, nên không thể không đắt.
- 6

뜻이 분명한 고로 다들 여지가 없다.

Vì ý nghĩa đã rõ ràng, nên không có chỗ để tranh cãi.

So sánh với

-(으)므로
Tương đương hiện đại.므로 là tiếng Hàn trang trọng chuẩn; 고로 là dạng cổ và đọc lên như văn phong cổ điển.
그러므로 연기하였다. (trang trọng) / 그러한 고로 연기하였다. (cổ)

-(으)ㄴ즉
Cả hai đều là dạng cổ.은즉 nghiêng về ý “bởi sự tình là như vậy” và cũng có thể thuật lại sự phát hiện; 고로 thuần túy chỉ nguyên nhân.
그러한즉 이해하시라. (bởi sự tình như vậy) / 그러한 고로 연기하였다. (vì lẽ đó)

때문에
때문에 là cụm chỉ nguyên nhân thường ngày, dùng được ở mọi nơi. 고로 thuộc về lập luận trang trọng theo lối cũ.
비 때문에 늦었어요. (văn nói) / 근거가 부족한 고로 미룬다. (lập luận)

Lưu ý

- X

손수 만들는 고로 값이 비싸다.
- O

손수 만드는 고로 값이 비싸다.

Gốc từ kết thúc bằng ㄹ bị lược ㄹ trước -는, như ở mọi chỗ trong hệ thống định ngữ.
- X

사정이 그러하고로 연기하였다.
- O

사정이 그러한 고로 연기하였다.

고로 được viết cách sau định ngữ.
- X

야, 비 오는 고로 늦었어.
- O

야, 비 와서 늦었어.

고로 là ngôn ngữ lập luận cổ. Trong hội thoại, nó nghe như đang nhại một nhà nho.